

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026 của UBND xã Sơn Cẩm Hà)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	48.332.323.000	173.781.427.382	359,56
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	24.665.384.000	22.941.576.662	93,01
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	
1	Chi đầu tư cho các dự án			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	23.013.049.000	22.941.576.662	99,69
	Trong đó:			
	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	141.840.000	141.840.000	100,00
	Chi Khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Chi dự phòng ngân sách	465.335.000		
VI	Chi tạo nguồn CCTL	1.187.000.000		
VII	Chi từ nguồn viện trợ (GTGC)			
VIII	Chi hỗ trợ các địa phương khác			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	23.666.939.000	135.277.965.269	571,59
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	3.426.500.000	15.022.977.284	438,44
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	3.426.500.000	14.767.666.159	430,98
	Chi đầu tư	3.426.500.000	8.567.125.000	250,03
	Chi thường xuyên		6.200.541.159	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	-	255.311.125	
	Chi đầu tư			
	Chi thường xuyên		255.311.125	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai			
	Chi đầu tư			
	Chi thường xuyên			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	20.240.439.000	120.254.987.985	594,13
1	Chi đầu tư		2.909.729.000	
1.1	Vốn nước ngoài			
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (Ghi thu ghi chi)			
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước)			
1.2	Vốn trong nước		2.909.729.000	
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước		2.909.729.000	
2	Chi thường xuyên	20.240.439.000	117.345.258.985	579,76

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
2.1	Kinh phí nước ngoài			
2.2	Kinh phí trong nước	20.240.439.000	117.345.258.985	579,76
C	CHI TRẢ NỢ GỐC			
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		460.012.450	
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		15.101.873.001	